

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 6 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết, đánh giá tổ chức, hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016 - 2021**

Thực hiện Công văn số 8745/UBND-THKH ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh về việc giao báo cáo tổng kết, đánh giá tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã giai đoạn 2016- 2021; Công văn số 1317/SNV-XDCQ&CTTN ngày 21/6/2022 của Sở Nội vụ về việc báo cáo tổng kết đánh giá tổ chức, hoạt động của chính quyền cấp xã, giai đoạn 2016- 2021. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Về tổ chức và hoạt động của HĐND cấp xã**

###### **1.1. Về tổ chức của HĐND cấp xã**

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và có thêm các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Hội đồng nhân dân xã thành lập Ban pháp chế, Ban kinh tế - xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân xã gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân xã do Hội đồng nhân dân xã quyết định. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân xã hoạt động kiêm nhiệm.

###### **1.2. Hoạt động của HĐND cấp xã**

###### **1.2.1. Chất lượng kỳ họp HĐND**

Nhìn chung, các kỳ họp HĐND được chuẩn bị chu đáo, diễn ra đúng luật và có chất lượng. Thường trực HĐND cấp xã đã chủ động phối hợp với UBND và Ban Thường trực UBMTTQ cùng cấp để thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp. Lựa chọn những vấn đề trọng tâm ở địa phương để đưa ra thảo luận, xem xét và quyết định tại kỳ họp. Dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, tài liệu của các kỳ họp được gửi đến các đại biểu đúng thời hạn và được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết.

Đại biểu HĐND đã dành thời gian nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri trước kỳ họp. Các ban của HĐND thực hiện công tác thẩm tra đúng quy trình, thủ tục và thời gian theo quy định nên chất lượng báo cáo thẩm tra được nâng

lên, có tính phản biện, đề xuất giải pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung làm cơ sở để HĐND thảo luận và quyết định.

Nội dung của các kỳ họp ngày càng nhiều, khối lượng công việc rất lớn nên thời gian tổ chức kỳ họp đã được tăng lên. Đối với các kỳ họp thường lệ ở cấp xã 1 ngày. Việc điều hành kỳ họp của Thường trực HĐND các cấp đã được cải tiến đáng kể, dành nhiều thời gian cho việc thảo luận, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, rút ngắn thời gian đọc và trình bày các báo cáo. Thường trực HĐND đã chú trọng định hướng để các đại biểu thảo luận về những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau, chưa đạt được sự thống nhất cao, những vấn đề mà cử tri và nhân dân quan tâm, dư luận xã hội còn nhiều bức xúc như Xóa đói giảm nghèo; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chế độ, chính sách cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn, bản. Do vậy, kỳ họp HĐND các cấp ở nhiều địa phương đã tạo được không khí dân chủ, cởi mở, phát huy được trí tuệ tập thể khi thảo luận và biểu quyết.

Công tác tổ chức tuyên truyền, đưa tin đã được chú trọng tạo điều kiện cho cử tri và nhân dân theo dõi kỳ họp, góp phần mở rộng dân chủ, công khai về các hoạt động của HĐND, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của các đại biểu và các cơ quan hữu quan. HĐND cấp xã đã tổ chức phát thanh, truyền thanh các phiên họp quan trọng của HĐND.

### *1.2.2. Quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương*

HĐND các cấp đã có nhiều đổi mới trong việc quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương. Việc trình bày báo cáo, thảo luận quyết định tại kỳ họp được thay đổi theo hướng trình bày tóm tắt, tập trung thảo luận những vấn đề trọng tâm, cốt lõi, những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau. Việc xem xét, thảo luận và giải trình mang tính trao đổi hai chiều nhằm làm rõ vấn đề nên đã phát huy được trí tuệ tập thể, thu được nhiều ý kiến chất lượng, có tính xây dựng. Nhờ vậy, các Nghị quyết được HĐND thông qua nhìn chung đạt được sự thống nhất cao, chất lượng nghị quyết được nâng lên, sát với tình hình thực tế của địa phương và có tính khả thi, đem lại hiệu quả thiết thực, tạo chuyển biến tích cực ở địa phương, đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần ổn định chính trị, phát triển KT- XH.

Số lượng các nghị quyết chuyên đề của HĐND ngày càng tăng lên<sup>1</sup>. Với tính chất là một nghị quyết chuyên sâu về một số vấn đề nhất định, với các mục tiêu cụ thể, biện pháp, giải pháp rõ ràng, có thời gian triển khai chi tiết, việc ban hành các nghị quyết chuyên đề đã đem lại hiệu quả rõ rệt trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng ở địa phương.

### *1.2.3. Hoạt động giám sát của HĐND*

---

<sup>1</sup> Trong nhiệm kỳ, HĐND cấp xã thông qua 2445 nghị quyết, chủ yếu là các nghị quyết về phát triển KT - XH, QP - AN của địa phương.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND đã xây dựng kế hoạch, thực hiện giám sát theo đúng quy trình, thủ tục. Nội dung giám sát có trọng tâm, trọng điểm, bám sát những vấn đề thực tế xã hội quan tâm. Phạm vi giám sát luôn mở rộng; hình thức giám sát đa dạng, phù hợp với thực tế và nội dung giám sát như: Tổ chức tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, yêu cầu cơ quan bị giám sát báo cáo, tổ chức nhiều đoàn giám sát tại cơ sở trước khi yêu cầu cơ quan trách nhiệm giải trình, giám sát tại kỳ họp, ... Kết luận giám sát rõ ràng, yêu cầu, kiến nghị cụ thể. Quyền giám sát của HĐND được các đại biểu, các Ban, Thường trực HĐND sử dụng linh hoạt góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát.

Có thể nói, hiệu quả hoạt động của các Đoàn giám sát ngày càng nâng lên, bước đầu đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống, tạo được niềm tin cho nhân dân.

1.3. Về mối quan hệ giữa HĐND cấp xã với cấp ủy Đảng, Mặt trận tổ quốc; các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị ở cấp xã và với thôn, tổ dân phố.

Thường trực HĐND cấp xã đã phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cùng cấp xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri để tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri theo thẩm quyền. Phối hợp với cấp ủy Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị có liên quan đã giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời ngay tại cơ sở, hạn chế tình trạng đơn, thư khiếu nại vượt cấp.

Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra công vụ để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân; thường xuyên giám sát, đôn đốc việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân.

## **2. Về tổ chức và hoạt động của UBND cấp xã**

### **2.1. Về tổ chức bộ máy của UBND cấp xã**

#### *2.1.1. Số lượng, cơ cấu, thành viên UBND cấp xã*

Cấp xã có 125 thành viên; trong đó, nữ 01 (chiếm 0,8%); tái cử 74 (chiếm 59,2%), dân tộc: 5 (chiếm 4%); độ tuổi dưới 35: 18 (chiếm 14,4%); độ tuổi từ 35 đến 50: 76 (chiếm 60,8%); tuổi trên 50: 31 (chiếm 24,8%); trình độ chuyên môn: Trung cấp, Cao đẳng: 21 (chiếm 16,8%); Đại học, sau đại học 104 (chiếm 83,2%); trình độ lý luận chính trị: Cao cấp 02 (chiếm 1,6%); trung cấp 123 (chiếm 98,4%).

#### *2.1.2. Các chức danh chuyên môn cấp xã*

Việc bố trí các chức danh chuyên môn cấp xã: Thực hiện theo Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ.

UBND cấp xã không có các cơ quan chuyên môn trực thuộc mà chỉ có các chức danh công chức cấp xã để giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực ở địa phương.

Các chức danh công chức cấp xã gồm: Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự, Văn phòng- Thông kê; Địa chính- Xây dựng- Đô thị và

Môi trường (đối với thị trấn); Địa chính- Nông nghiệp- Xây dựng và Môi trường (đối với xã); Tài chính- Kế toán; Tư pháp- Hộ tịch; Văn hóa- Xã hội.

Đến nay, Hầu hết công chức cấp xã có trình độ đạt chuẩn, đúng chuyên ngành đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh và ngạch công chức quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ. Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện kịp thời, đúng quy định; tổ chức xét duyệt, điều chỉnh lương và thực hiện giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho cán bộ nghỉ việc.

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 660 người<sup>2</sup>. Việc bố trí, sắp xếp, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

## **2.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quyền hạn trên các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương**

Nhiệm kỳ qua, nền kinh tế của huyện duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; năng lực sản xuất và quy mô nền kinh tế ngày càng tăng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15,25%, vượt mục tiêu (15,2%), cao hơn giai đoạn 2011 – 2015 là 2,07% (trong đó công nghiệp- xây dựng có tốc độ tăng cao nhất 18,7%; dịch vụ tăng 15,5%; nông, lâm, thủy sản tăng 4,1%). Năm 2020, giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) ước đạt 17.281,7 tỷ đồng, gấp 2,03 lần năm 2015.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản giảm từ 23,8% năm 2015 xuống còn 14,4% năm 2020; công nghiệp – xây dựng tăng từ 43,1% lên 49,8%; dịch vụ tăng từ 33,1% lên 35,8% (mục tiêu là 16,9 – 49,7 – 33,4).

Thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, năm 2020 ước đạt 42,6 triệu đồng, vượt mục tiêu (42 triệu đồng), gấp 2,12 lần năm 2015.

- Sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển khá, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm ước đạt 4,1% (mục tiêu là 4,5%), giá trị sản xuất toàn ngành năm 2020 ước đạt 1.971,4 tỷ đồng. Năng suất các cây trồng chính tăng, chất lượng nông sản ngày càng được nâng lên; sản lượng lương thực bình quân hằng năm ước đạt 126,8 nghìn tấn, vượt mục tiêu đề ra (118 nghìn tấn). Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ước chuyển đổi 2.350 ha đất lúa sang trồng cây khác và nuôi trồng thủy sản; sản xuất hàng hóa lớn theo chuỗi giá trị đạt kết quả quan trọng bước đầu. Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản tăng nhanh, năm 2020 ước đạt 124,3 triệu đồng (mục tiêu là 124 triệu đồng), gấp 1,43 lần năm 2015.

Chăn nuôi có nhiều biến động về tổng đàn, chất lượng đàn gia súc, gia cầm được nâng lên: Tỷ lệ đàn bò lai tăng từ 42,3% năm 2015 lên 70,2% năm 2020,

<sup>2</sup> Số liệu tính đến 31/12/2021

đàn lợn nạc tăng từ 37,3% lên 53,6%; công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm thực hiện, nhất là phòng chống dịch tả lợn châu Phi.

Lâm nghiệp phát triển ổn định; bảo vệ, khoanh nuôi trồng bổ sung 1.330 ha rừng phòng hộ; chăm sóc, bảo vệ khai thác 2.797,1 ha rừng sản xuất; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 12,2%.

Thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất bình quân hằng năm tăng 4,8%. Năm 2020, giá trị sản xuất ước đạt 70,2 tỷ đồng, tăng 26,7% so với năm 2015; sản lượng ước đạt 1.900 tấn, gấp 1,38 lần năm 2015.

- *Sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng nhanh, tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hằng năm ước đạt 18,7% (giai đoạn 2011- 2015 là 17,9%);* giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 ước đạt 7.133,9 tỷ đồng, gấp 2,98 lần năm 2015; sản phẩm có sản lượng tăng nhanh so với năm 2015 là quần áo may sẵn gấp 3 lần, giày dép gấp 2,9 lần, ván ép gấp 3,5 lần, đá ốp lát gấp 02 lần,... Một số cơ sở công nghiệp mới đi vào hoạt động, nhiều cơ sở đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ,... góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tạo việc làm cho lao động. Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tiếp tục phát triển; khôi phục một số nghề truyền thống và phát triển một số nghề mới, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho lao động nông thôn. Giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2020 đạt 1.826,5 tỷ đồng, gấp 1,29 lần năm 2015.

- *Các ngành dịch vụ thương mại duy trì tốc độ tăng khá, chất lượng ngày càng được nâng lên, tốc độ tăng bình quân hằng năm ước đạt 15,5% (14,7%);* giá trị sản xuất năm 2020 ước đạt 6.349,8 tỷ đồng, gấp 2,1 lần năm 2015. Thương mại phát triển nhanh, đa dạng về loại hình; các trung tâm thương mại, siêu thị được đầu tư xây dựng, hình thành các siêu thị mini tại các xã, thị trấn... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng cao, năm 2020 ước đạt 2.380 tỷ đồng, gấp 1,82 lần năm 2015. Xuất khẩu năm 2020 ước đạt 25 triệu USD, gấp 3,8 lần năm 2015.

Dịch vụ du lịch có chuyển biến, số lượng khách du lịch ngày càng tăng, giai đoạn 2016- 2020 ước đón 112 nghìn lượt khách, doanh thu ước đạt 39,2 tỷ đồng, so với giai đoạn 2011- 2015, tăng 15% về số lượng khách và 25% về doanh thu. Vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân; doanh thu vận tải năm 2020 ước đạt 350 tỷ đồng, tăng 33,6% so với năm 2015. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển theo hướng đa dạng, thuận tiện; trên địa bàn có 04 chi nhánh ngân hàng, 9 quỹ tín dụng và 03 phòng giao dịch, tổng dư nợ đến cuối năm 2020 ước đạt 3.398,4 tỷ đồng, gấp 1,94 lần năm 2015.

- *Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao, năm sau cao hơn năm trước và vượt dự toán giao hằng năm, thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 ước đạt 1.44,7 tỷ đồng, trong đó thu không bao gồm tiền sử dụng đất tăng 21,8%/năm, vượt mục tiêu (15%); năm 2020 thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 391,8 tỷ đồng, gấp 2,8 lần năm 2015.* Chi ngân sách đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực; vốn đầu tư hằng năm được bố trí hợp lý, có trọng

tâm, trọng điểm, đáp ứng nhu cầu thực hiện các cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- *Công tác phát triển doanh nghiệp được quan tâm; tạo môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện rõ nét*, trong 5 năm, ước thành lập mới 356 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới đến hết năm 2020 lên 645 doanh nghiệp, trong đó có 450 doanh nghiệp đang hoạt động, đạt 22,1 doanh nghiệp trên 1 vạn dân, tăng 13,3 doanh nghiệp so với năm 2015; nộp ngân sách của khối doanh nghiệp hằng năm ước đạt trên 30 tỷ đồng, chiếm trên 35% tổng thu ngân sách (không bao gồm tiền sử dụng đất). Đến nay, trên địa bàn huyện có 56 HTX, trong đó 47 HTX đang hoạt động, 70,2% số HTX hoạt động khá, tốt, thu nhập bình quân của lao động năm 2020 đạt 44,3 triệu đồng/năm (năm 2015 là 24 triệu đồng).

Công tác thu hút đầu tư có nhiều đổi mới, đã chủ động lập và công khai các quy hoạch, vận động, giới thiệu trực tiếp các doanh nghiệp có tiềm lực, có nhu cầu đầu tư. Trong 5 năm, thu hút trên 40 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 3.000 tỷ đồng.

Huy động vốn đầu tư đạt khá, tổng vốn huy động trong 5 năm ước đạt 9.681 tỷ đồng, vượt mục tiêu (8000 tỷ đồng), năm 2020 ước đạt 2.200 tỷ đồng; quản lý nhà nước về đầu tư có chuyển biến tích cực, chất lượng công trình được nâng lên, kết cấu hạ tầng đầu tư theo hướng đồng bộ. 5 năm qua, nhiều công trình hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng, góp phần từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

- *Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực*. Ước cuối năm 2020 có 27/32 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 84,4% (mục tiêu 70%), tăng 22 xã so với năm 2015; 01 xã NTM nâng cao; 201/229 thôn đạt chuẩn NTM, chiếm 87,8% (mục tiêu 75%); bình quân đạt 18 tiêu chí/xã, tăng 4,4 tiêu chí so với cuối năm 2015; đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn được nâng lên rõ rệt.

- *Công tác phát triển đô thị được tập trung thực hiện, đạt kết quả quan trọng bước đầu*, đã sáp nhập các xã Minh Châu và Minh Dân vào Thị Trấn Triệu Sơn, thành lập Thị trấn Nưa, nâng tỷ lệ đô thị hóa lên 12%, hoàn thành mục tiêu tỉnh giao (11,9%), hoàn thành đầu tư xây dựng khu đô thị mới Sao Mai tại xã Xuân Thịnh và Thọ Dân; đầu tư xây dựng khu đô thị mới Sao Mai tại xã Minh Sơn và Thị Trấn Triệu Sơn; UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng và mở rộng Thị Trấn Triệu Sơn đến năm 2030; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đô thị Gôm với quy mô 3 xã là Đồng Tiến, Đồng Thắng và Đồng Lợi,... Một số công trình hạ tầng quan trọng được hoàn thành đầu tư đưa vào khai thác như: Tỉnh lộ 514 từ Cầu Thiệu đến Cầu Nhôm, đường Bắc Đồng Nễn, đường nối TL 514 với QL 47,... Triển khai đầu tư đường nối TL 514 đi QL 47C tại Thị Trấn Triệu Sơn, Trung tâm thương mại và tổ chức sự kiện tại Thị trấn Nưa, Trung tâm thương mại và vui chơi giải trí Lan Chi tại Thị Trấn

Triệu Sơn; xúc tiến quy hoạch, đầu tư hạ tầng dân cư tại các khu vực quy hoạch đô thị như Sim, Thiều, Gôm, Đà,...

- Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường được tăng cường; UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020, bảng giá đất giai đoạn 2020- 2024; đưa vào sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu địa chính của huyện; công tác giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo kế hoạch, tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đất thổ cư lần đầu đến hết năm 2020 ước đạt 87%; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát sử dụng đất được quan tâm. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tăng cường, đã kiểm tra, phát hiện, xử lý nhiều vi phạm về khoáng sản. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải được quan tâm chỉ đạo, xử lý có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường trên các sông, kênh tưới, tiêu.

### **2.3. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND cấp xã và Chủ tịch UBND cấp xã**

Nhiệm kỳ 2016- 2021, UBND các xã, thị trấn đã chủ động xây dựng quy chế làm việc theo hướng dẫn quy chế mẫu của cấp trên, phân công chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên UBND. Nhìn chung, công tác chỉ đạo điều hành của UBND cấp xã trên địa bàn huyện có nhiều đổi mới, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết đã đề ra.

### **2.4. Về mối quan hệ công tác**

Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa UBND với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; tạo mọi điều kiện nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với cơ quan MTTQ, các đoàn thể cũng như trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền, tự giác thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

## **4. Về số lượng, chất lượng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố**

Căn cứ UBND huyện bố trí số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chi trả chế độ, chính sách theo đúng quy định của pháp luật<sup>3</sup>. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện tính đến 31/12/2021 là 660 người, số người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 287 người; Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là 674 người. Chất lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố ngày càng được nâng lên.

<sup>3</sup> Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chức danh, số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

(Chi tiết có biểu gửi kèm theo).

### **5. Về phân quyền, phân cấp, ủy quyền giữa chính quyền địa phương cấp trên với chính quyền địa phương cấp xã**

Việc phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương cấp huyện với chính quyền địa phương cấp xã thực hiện theo đúng quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý.

### **6. Về những vấn đề khác có liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã**

Công tác cải cách hành chính được chỉ đạo quyết liệt. Tăng cường chỉ đạo việc thực hiện Nghị định 61/2018/NP-CP của Chính phủ về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; hoàn thiện đầu tư cơ sở vật chất, tổ chức khai trương đưa vào hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa hiện đại góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử được quan tâm chỉ đạo; 100% thủ tục hành chính của huyện và các xã, thị trấn được niêm yết công khai, tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa; ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến tích cực; Chỉ đạo tăng cường sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để gửi, nhận văn bản điện tử; lưu trữ văn bản đi, đến; quản lý, điều hành công việc trên môi trường mạng tại các cơ quan, đơn vị; tăng cường sử dụng hòm thư công vụ để trao đổi văn bản trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Chú trọng đến công tác sắp xếp tổ chức, bộ máy: Trong nhiệm kỳ 2016 – 2021, huyện đã thực hiện sáp nhập 385 thôn, tổ dân phố để thành lập 254 thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện, giảm 131 thôn, tổ dân phố; hoàn thành việc sáp nhập 02 xã: Minh Dân, Minh Châu vào Thị Trấn Triệu Sơn. Thành lập thị trấn Nưa trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích và dân số của xã Tân Ninh. Theo đó, UBND huyện Triệu Sơn giảm được 02 đơn vị hành chính cấp xã, còn lại 34 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Chỉ đạo đổi mới phương thức làm việc, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu quả phối hợp của các thành viên UBND, Chủ tịch UBND trong chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. UBND các cấp đã cơ bản hoàn thành đúng hạn, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

## **II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong nhiệm kỳ qua còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, đó là:

## **2.1. HĐND các cấp**

Chất lượng kỳ họp HĐND chưa thực sự đồng đều ở các cấp; công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ họp có nơi chưa đúng thời hạn luật định, nhất là việc gửi tài liệu đến đại biểu nghiên cứu trước kỳ họp. Thời gian tổ chức kỳ họp của HĐND ở một số xã còn ít, khoảng một ngày, thậm chí nửa ngày nên còn nặng tính hình thức. Việc điều hành kỳ họp ở một số địa phương chưa thực sự phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể. Một bộ phận đại biểu hoạt động kiêm nhiệm chưa dành thời gian thích đáng cho việc nghiên cứu tài liệu, không tham gia hoặc rất ít tham gia phát biểu ý kiến tại các phiên thảo luận.

Ở một số địa phương, thời gian tổ chức kỳ họp thì ngắn nhưng ban hành nhiều nghị quyết, trong khi dự thảo nghị quyết, đề án trình HĐND chưa được chuẩn bị kỹ, việc xem xét thảo luận chưa sâu nên sau khi ban hành nghị quyết không phát huy hiệu quả trên thực tế, phải sửa đổi, bổ sung.

## **2.2. UBND các cấp**

Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu ở một số ít địa phương, đơn vị chưa được khẳng định rõ nét, tính lan tỏa chưa cao; việc phân định và thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong tập thể lãnh đạo, quản lý có nơi chưa rõ ràng, đầy đủ; vai trò tham mưu, giúp việc của một số cán bộ, công chức hiệu quả còn hạn chế; công tác hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ và kỹ năng giải quyết công việc của lãnh đạo đơn vị đối với cán bộ, công chức có lúc chưa thực sự đến nơi, đến chốn; sự phối hợp, cộng tác, tương trợ lẫn nhau của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc còn hạn chế; chưa đề cao tinh thần tự nghiên cứu, học hỏi (nhất là còn tình trạng ngại đọc, ngại hỏi)...

Tập thể lãnh đạo tại một số địa phương, đơn vị chậm đổi mới cách nghĩ, cách làm, cách điều hành công việc cho phù hợp với yêu cầu, tình hình mới; tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành chưa cao; việc nghiên cứu, cập nhật, vận dụng phương pháp mới, cách làm mới khoa học, hiệu quả vào thực tế công tác chưa kịp thời; Việc tổ chức hội họp thường kỳ hàng tháng tại một số địa phương chưa thường xuyên, liên tục.

Công tác cải cách hành chính chuyển biến chưa mạnh mẽ. Công tác giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 còn hạn chế. Trật tự kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa được thực thi nghiêm túc; còn có hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Một bộ phận cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc liên quan đến các tổ chức và cá nhân ở các phòng, ban và UBND cấp dưới còn những nhiều, tiêu cực, gây nhiều bức xúc trong cán bộ và nhân dân.

## **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

Khối lượng công việc phải giải quyết trên địa bàn huyện là rất lớn và phức tạp. Trong khi đó, sự phân công, phân cấp và hệ thống các văn bản quy phạm

pháp luật ở một số lĩnh vực ban hành chậm, thiếu đồng bộ, không ít nội dung còn chồng chéo, bất hợp lý; chính sách phân phối thu nhập, mức lương của cán bộ, công chức còn bất hợp lý so với nhu cầu tối thiểu của cuộc sống.

### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Việc thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi còn hạn chế. Một số đơn vị còn thiếu năng động, quyết liệt, thậm chí trì trệ, chưa theo kịp yêu cầu chỉ đạo của huyện; còn có hiện tượng đùn đẩy, né tránh việc khó. Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức ở một số đơn vị không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức hành chính chưa cao, chưa thực thi hết chức năng, nhiệm vụ được giao, làm giảm sút lòng tin của nhân dân.

Công tác tự kiểm tra, giám sát của nhiều đơn vị, cơ sở chưa được thực hiện thường xuyên, việc xem xét, xử lý trách nhiệm còn thiếu kiên quyết. Sau kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm còn thiếu kiểm tra việc khắc phục, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót. Nên hiệu lực hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát chưa cao.

Một số cấp ủy chưa thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội ở một số địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính. Một bộ phận đảng viên chưa thực sự gương mẫu trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, các quyết định quản lý, điều hành của cơ quan hành chính.

Công tác dân vận chính quyền, quy chế dân chủ cơ sở ở một số đơn vị còn chưa được thường xuyên, liên tục.

## **III. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Đổi mới sắp xếp tổ chức đơn vị hành chính**

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và sắp xếp đơn vị hành chính theo hướng sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, đặc biệt ở những đơn vị hành chính có yếu tố đặc thù. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định nhằm tinh giản bộ máy ở cấp cơ sở.

### **2. Về tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND cấp xã**

*Thứ nhất, Xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương*

Cần xác định rõ vị trí, tính chất pháp lý của HĐND và UBND theo hướng quy định rõ về quyền tự chủ của HĐND trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, đặc biệt là vấn đề ngân sách và sử dụng các nguồn lực của địa phương; xác định rõ tính chất, vai trò, chức năng chấp hành và quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn của UBND ở mỗi cấp.

Quy định rõ những nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Trung ương và của mỗi cấp theo hướng xác định từ cấp dưới lên cấp trên; việc nào chính quyền địa phương cấp dưới không làm được thì chính quyền địa phương cấp trên, cơ quan Trung ương mới làm và phải làm. Theo đó, những việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cấp nào thì cấp đó chịu trách nhiệm thực hiện, các cấp khác giữ vai trò phối hợp nếu có liên quan, khắc phục việc can thiệp, chỉ đạo, điều hành không đúng thẩm quyền của cấp trên đối với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cấp dưới.

*Thứ hai, đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương*

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về phân quyền, phân cấp giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến từng cấp chính quyền địa phương theo hướng đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy chủ động, sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động quản lý của từng cấp chính quyền địa phương; đa dạng về mô hình tổ chức và tinh gọn về bộ máy của các cấp chính quyền địa phương, làm rõ từng vị trí việc làm ở từng cấp chính quyền địa phương để phân công lao động hợp lý và tinh giản biên chế.

*Thứ ba, đổi mới hoạt động của chính quyền địa phương*

Hoàn thiện nguyên tắc hoạt động theo chế độ tập thể UBND theo hướng làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và của từng thành viên UBND, trong đó ủy viên UBND là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND được quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của UBND với tư cách là thành viên UBND để khắc phục tính hình thức trong hoạt động của chức danh ủy viên UBND hiện nay.

Quy định cụ thể, rõ ràng các nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình giám sát của HĐND và các cơ quan của HĐND, đại biểu HĐND, đặc biệt là chế tài xử lý kết quả thực hiện các kiến nghị của các chủ thể giám sát đối với các cá nhân, tổ chức và cơ quan chịu sự giám sát; thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động giám sát; phát huy dân chủ và giám sát của người dân; tăng cường sự tham gia của người dân, phát huy quyền làm chủ trực tiếp của người dân và vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Xác định rõ nội dung và phạm vi trách nhiệm các lĩnh vực công việc do chính quyền cơ sở quản lý và tổ chức thực hiện; những công việc chính quyền cơ sở giao cho thôn, tổ dân phố để triển khai thực hiện; đồng thời xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ chức tự quản theo các lĩnh vực ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp.

**3. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố**

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về tuyển dụng công chức ở địa phương theo hướng đề cao trách nhiệm của người sử dụng, thực hiện nguyên tắc cạnh tranh và sử dụng công nghệ thông tin trong tuyển dụng; đồng thời ban hành chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc tại địa phương.

Hoàn thiện việc xây dựng vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển chọn, bố trí, sắp xếp và đánh giá cán bộ, công chức công khai, minh bạch, công bằng, tạo động lực phấn đấu trong việc thực thi nhiệm vụ. Phân biệt rõ giữa việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với “cán bộ” (người được bầu) và công chức chuyên môn, nghiệp vụ; nghiên cứu quy định cụ thể về tiêu chuẩn đối với cán bộ mỗi cấp, có chính sách nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương, nhất là cấp cơ sở để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo tổng kết đánh giá, tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã trên địa bàn huyện Triệu Sơn, nhiệm kỳ 2016 - 2021, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo UBND tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ (b/c);
- Lưu: VT, NV.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**HUYỆN TRIỆU SƠN**

**PHỤ LỤC 1**

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG  
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ SỐ LƯỢNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /3/2022 của UBND huyện Triệu Sơn)*

<b>Đơn vị</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>			<b>Người hoạt động không chuyên trách</b>			<b>Thôn, Tổ dân phố</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>Cán bộ</b>	<b>Công chức</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ở Cấp xã</b>	<b>Ở thôn, tổ dân phố</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Thôn</b>	<b>Tổ dân phố</b>
Huyện Triệu Sơn	660	337	323	961	287	674	254	229	25

## HUYỆN TRIỆU SON

## PHỤ LỤC 2

## CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /3/2022 của UBND huyện Triệu Sơn)

STT	XÃ	Trong đó			Chia theo độ tuổi				Trình độ giáo dục phổ thông			Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị			
		Nữ	Ngoài Đảng	Dân tộc thiểu số	Từ 30 tuổi trở xuống	Từ 31 đến 40 tuổi	Từ 41 đến 50 tuổi	Trên 51 tuổi	Trung học phổ thông	Trung học cơ sở	Tiểu học	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học và sau đại học	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
<b>1</b>	<b>Cán bộ cấp xã</b>	<b>54</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>70</b>	<b>104</b>	<b>157</b>	<b>337</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>314</b>	<b>7</b>	<b>321</b>	<b>9</b>	<b>0</b>
1.1	Bí thư Đảng ủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND	2	0	0	0	2	7	25	34	0	0	0	0	0	34	0	32	2	0
	Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy	2	0	1	0	7	11	16	34	0	0	0	0	0	34	0	31	3	0
	Phó bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBND	0	0	1	0	2	16	16	34	0	0	0	0	0	34	0	32	2	0
1.3	Phó Chủ tịch HĐND	7	0	1	0	8	16	8	32	0	0	0	0	0	32	0	32	0	0
1.4	Chủ tịch UBND	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	Phó Chủ tịch UBND	0	0	2	0	0	12	23	35	0	0	0	0	0	35	0	35	0	0
1.6	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam	0	0	0	0	5	9	20	34	0	0	0	0	0	34	0	34	0	0
1.7	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	7	0	1	5	29			34	0	0	0	0	0	34	0	34	0	0

1.8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	34	0	0	1	11	15	7	34	0	0	0	0	0	34	0	33	1	0
1.9	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	2	0	1	0	5	18	11	34	0	0	0	0	0	34	0	34	0	0
1.10	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	0	0	2	0	1		31	32	0	0	17	6	2	9	7	24	1	0
<b>2</b>	<b>Công chức cấp xã</b>	<b>123</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>103</b>	<b>166</b>	<b>48</b>	<b>323</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>17</b>	<b>276</b>	<b>129</b>	<b>194</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Chỉ huy trưởng Quân sự	0	0	0	0	7	19	8	34	0	0	0	14	16	4	11	23	0	0
2.2	Văn phòng Thống kê	36	3	1	0	32	15	12	59	0	0	0	6	0	53	6	53	0	0
2.3	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn); địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)	18	1	2	1	19	29	9	58	0	0	0	2	0	56	26	32	0	0
2.4	Tài chính - kế toán	29	1		1	15	27	5	48	0	0	0	1	0	47	23	25	0	0
2.5	Tư pháp - hộ tịch	8		1	3	19	30	6	58	0	0	0	5	0	53	34	24	0	0
2.6	Văn hóa - xã hội	32	2		1	11	46	8	66	0	0	0	2	1	63	29	37	0	0
<b>3.</b>	<b>Người hoạt động không chuyên trách</b>	<b>132</b>	<b>76</b>	<b>23</b>	<b>27</b>	<b>165</b>	<b>300</b>	<b>469</b>	<b>758</b>	<b>203</b>	<b>0</b>	<b>620</b>	<b>214</b>	<b>47</b>	<b>80</b>	<b>843</b>	<b>118</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1	Ở cấp xã	94	11	4	21	43	89	134	271	16	0	26	162	32	67	193	94	0	0
3.2	Ở thôn, tổ dân phố	38	65	19	6	122	211	335	487	187	0	594	52	15	13	650	24	0	0